TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương
Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phận
Ông Trương Văn Ánh

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Kim Hồ là thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không tham gia phiên tòa***

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 172/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Mai Văn N, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 6, ấp Hưng Lợi, xã Tân Hưng (nay là xã Tân An Thạnh), huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

2.Bị đơn: Ông Phạm Đức M, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ F, ấp H, xã T (nay là xã T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Mai Văn N trình bày:

Ông Mai Văn N và ông Phạm Đức M có mối quan hệ quen biết, anh M thường xuyên mượn tiền của ông nhiều lần; ông và ông Phạm Đức M thỏa thuận không có lãi suất, thời hạn trả tiền, khi nào cần thì ông sẽ thông báo cho anh M thời gian nhất định. Tổng cộng số tiền mà anh M nợ ông là 105.000.000 đồng. Ngày 05/02/2024 ông với anh M phát sinh tranh chấp đối với tài sản bảo đảm là chiếc xe bán tải của M và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý giải quyết nguồn tin tội phạm.

Căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 05/05/2024 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Theo đó, anh Phạm Đức M thừa nhận có nợ ông số tiền 105.000.000 đồng và cam kết kể từ tháng 05/2024 sẽ trả nợ cho ông mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi nào trả đủ 105.000.000 đồng. Đến nay, anh M đã trả cho ông được

12.000.000 đồng (tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 2024), hiện nay anh M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền cho ông.

Xét thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Ông N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giải quyết như sau: "Buộc anh Phạm Đức M phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 93.000.000 đồng (105.000.000 đồng - 12.000.000 đồng). Ông không yêu cầu tính lãi.

Ông Phạm Đức M vắng mặt dù đã triệu tập hợp lệ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về thủ tục tố tụng:

Từ khi giải quyết đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử ông Phạm Đức M vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Hội đồng xét xử xem xét quyết định xét xử vắng mặt ông Phạm Đức M.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Xét giấy mượn tiền ngày 24/7/2023 âm lịch được ông Phạm Đức M viết và ký tên, nội dung biên nhận thể hiện ông Phạm Đức M có vay của ông Mai Văn N số tiền 105.000.000đ, đã trả được 12.000.000đ, ông M còn nợ lại 93.000.000đ

[3.2] Tòa án nhân huyện B đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 24/7/2023 âm lịch được ông Phạm Đức M viết và ký tên do nguyên đơn xuất trình, đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Bình Tân cũng chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có sở nên được chấp nhận.

Cần buộc ông Phạm Đức M phải có trách nhiệm trả cho ông Mai Văn N số tiền vay là 93.000.000đ

[3.3] Về phần lãi suất do nguyên đơn không yêu cầu, Hội đồng xét xử xét không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông N được chấp nhận, nên ông Phạm Đức M phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là 4.650.000 đồng. Ông Mai Văn N được nhận lại

số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 1 Điều 244; các điều 227, 228, 266, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015các điều 357, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn ông Phạm Đức M trả cho nguyên đơn ông Mai Văn N số tiền là 93.000.000đ *(chín mươi ba triệu đồng).*

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông Mai Văn N số tiền 2.325.000 đồng theo biên lai thu số 0000065 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Buộc ông Phạm Đức M phải nộp 4.650.000đ *(bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Ánh Dương